

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825818] - Thực tập trang bị điện

(CCQ2205C,D)

CBGD: Nguyễn Văn Phước (280023)

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí	An	15/11/2004	CCQ2205D			8,0	7,9	7,9
2	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D			9,0	9	9,0
3	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D			8,3	8,0	8,1
4	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D			9,0	9	9,0
5	2122050144	Hà Trần Ngọc	Giăng	19/01/2004	CCQ2205D			3,0	0	1,2
6	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D			7,5	7,5	7,5
7	2122050129	Tổng Quang	Huy	09/06/2002	CCQ2205D			2,0	0	0,8
8	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D			7,0	7,0	7,0
9	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C			7,6	7,5	7,5
10	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	CCQ2205D			9,0	8,5	8,7
11	2122170394	Lê Văn	Lưu	26/07/2004	CCQ2205D			7,6	7,0	7,0
12	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D			7,0	7,0	7,0
13	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D			9,0	9,0	9,0
14	2122050141	Nguyễn Như	Phúc	06/12/2004	CCQ2205C			2,5	0	1,0
15	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C			3,0	0	1,2
16	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C			6,7	7,0	6,9
17	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	CCQ2205C			7,7	7,5	7,6
18	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D			8,0	9,0	8,6
19	2122050078	Lê Minh	Trí	07/12/2004	CCQ2205C			8,3	8,5	8,4
20	2122050074	Nguyễn Hữu	Trọng	29/06/2003	CCQ2205C			8,0	8,5	8,3
21	2122050085	Nguyễn Thành	Trung	22/11/2004	CCQ2205C			9,0	9,0	9,0
22	2122050095	Nguyễn Trung	Tử	24/02/2004	CCQ2205C			7,0	7,5	7,3